

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/DSST**

Ngày 30/3/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm, ông Trần Minh Bộ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú
Ninh, tỉnh Quảng Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham
gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh,
tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-
DS, ngày 23/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- DS ngày 16/3/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã T,
huyện P, tỉnh Quảng Nam và ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn
02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, đều có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Ninh Văn N, sinh năm 1972 và bà Mai Thị Th, sinh năm
1973; cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Phúc T trình bày:*

Vào ngày 10/01/2020, vợ chồng ông N, bà Th có vay của bà T, ông T số tiền
là 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng để giải quyết công việc gia đình. Ông
N, bà Th có viết “giấy mượn tiền” và cam kết đến ngày 10/9/2020 sẽ trả hết số tiền
vay cho ông T, bà T. Hết thời hạn vay, bà T, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà
Th trả nợ nhưng đến nay ông N, bà Th vẫn chưa trả nợ. Vì vậy, bà T, ông T khởi kiện

yêu cầu ông N và bà Th phải trả số tiền đã vay là 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

Từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông N, bà Th chưa trả khoản tiền lãi nào cho bà T, ông T. Vì vậy, bà T, ông T yêu cầu ông N, bà Th trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 10/01/2020 đến ngày 15/12/2020 là 335 ngày. Cụ thể: $650.000.000 \text{ đồng} \times 2\% : 30 \times 335 \text{ ngày} = 145.167.000 \text{ đồng}$ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi. Bà T, ông T yêu cầu ông N, bà Th trả lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng, thời gian tính lãi là 13 tháng. Cụ thể: $650.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 84.500.000 \text{ đồng}$.

Theo biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn bà Mai Thị Th và ông Ninh Văn N trình bày:

Bà Mai Thị Th và ông Ninh Văn N có vay của bà T và ông T số tiền 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng để làm ăn. Do công việc làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả được nợ cho bà T, ông T, nay bà Th, ông N thống nhất trả số tiền đã vay 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng cho bà T, ông T. Bà Th, ông N cũng yêu cầu bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đã giữ để vợ chồng bà Th, ông N bán đất trả nợ cho bà T, ông T.

Đối với số tiền lãi 84.500.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) ông N và bà Th không chấp nhận trả. Bà Th, ông N cho rằng đã trả số tiền lãi cho bà T, ông T ngay khi vay tài sản và đã cộng dồn vào số tiền gốc 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Vì vậy, ông N, bà Th không chấp nhận trả tiền lãi và đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, 35, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự buộc bà Th và ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà T, ông T số tiền gốc đã vay là 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông T khởi kiện yêu cầu bà Th và ông N trả tiền nợ đã vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật. Bà Th và ông N có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Vào ngày 10/01/2020 vợ chồng ông N, bà Th có vay của bà T, ông T số tiền là 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng để giải quyết công việc gia đình. Ông N, bà Th có viết “giấy mượn tiền” trong đó thời gian vay là 08 tháng và trong giấy viết tay không thể hiện lãi suất. Ông N và bà Th thừa nhận có vay của bà T và ông T số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) từ khi vay đến nay chưa trả khoản tiền gốc nào cho bà T, ông T. Nay vợ chồng ông N và bà Th thống nhất thỏa thuận trả cho bà T, ông T số tiền gốc đã vay là 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là đúng quy định tại Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với số tiền lãi, mặc dù trong hợp đồng vay là “Giấy mượn tiền” không thể hiện lãi suất nhưng các bên đều thừa nhận là vay có lãi suất nhưng không xác định được mức lãi suất cụ thể. Bà T, ông T và bà Th, ông N không chứng minh được mức lãi suất đã thỏa thuận. Vì vậy, áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khi vay có lãi suất nhưng các bên không xác định được mức lãi suất cụ thể thì áp dụng mức lãi suất bằng 50% lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, mức lãi suất được áp dụng là $50\% \times 20\%/năm = 10\%/năm$. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Th, ông N phải trả cho bà T, ông T các khoản tiền lãi cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn là từ ngày 10/01/2020 đến ngày 10/9/2020 là 08 tháng:
 $650.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 08 \text{ tháng} = 43.316.000 \text{ đồng}.$

Lãi suất quá hạn từ ngày 10/9/2020 đến ngày 30/3/2021 là 06 tháng, 20 ngày:
 $650.000.000 \text{ đồng} \times (0,833\% \times 150\%) : 30 \times 200 \text{ ngày} = 54.145.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng cộng lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là 97.461.000 đồng (Chín mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng). Tuy nhiên, bà T, ông T yêu cầu trả khoản tiền lãi là 84.500.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là thấp hơn số tiền lãi mà bà Th, ông N phải trả nên chấp nhận số tiền lãi bà T, ông T yêu cầu là phù hợp, đúng pháp luật.

Bà Th, ông N cho rằng đã trả tiền lãi và cộng dồn vào tiền gốc nhưng không có căn cứ chứng minh. Ngược lại trong quá trình hòa giải bà Th, ông N lại chấp nhận số tiền lãi và xin bà T, ông T giảm bớt. Tại phiên tòa, bà Th, ông N cho rằng chấp nhận trả lãi khi hòa giải là để giải quyết cho xong vụ án. Lời khai của bà Th, ông N hoàn toàn không hợp lý, không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà Th, ông N chưa trả lãi cho bà T, ông T nên phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà T, ông T là đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà Th, ông N về việc yêu cầu bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T đã giữ. Xét thấy việc bà T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th, ông N có liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản khác giữa bà T với bà Th, ông N. Tòa án đã thụ lý và đang tiến hành giải quyết. Vì vậy, Tòa án sẽ xem xét giải quyết trong vụ án nói trên nên không xem xét giải quyết trong vụ án này là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.4] Từ phân tích, nhận định nêu trên: Xét thấy, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Phúc T. Về tiền gốc, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; bà Th và ông N thỏa thuận có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà T và ông T số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Về tiền lãi; buộc bà Th và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T, ông T số tiền lãi là 84.500.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Bà Th và ông N phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà T và ông T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và 147, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phúc T.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Mai Thị Th và ông Ninh Văn N thỏa thuận có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phúc T số tiền là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” ngày 10/01/2020.

- Buộc bà Mai Thị Th và ông Ninh Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phúc T số tiền lãi là 84.500.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà Mai Thị Th và ông Ninh Văn N có nghĩa vụ liên đới chịu 33.380.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Phúc T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo biên lai thu số 0003945 ngày 23/11/2020 và 3.630.000 (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003996 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không

có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/3/2021), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành